

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

16/5
D71.113

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (80 -)/DA21YHDPB
CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
16/05/2023
Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118321010	Đặng Hoàng Khang	28/08/2003	Nam	10,0	6,0	8,0	001			
2	118321015	Huỳnh Ngọc Yến Ngân	13/02/2003	Nữ	10,0	6,0	8,0	002			
3	118321054	Bùi Minh Thuận	11/03/2003	Nam	10,0	7,3	8,7	003			
4	118321056	Nguyễn Phú Sĩ	09/01/2003	Nam	10,0	7,3	8,7	004			
5	118321070	Nguyễn Quang Triết	10/08/2003	Nam	10,0	7,5	8,8	005			
6	118321076	Nguyễn Ngọc Đẹp	25/04/1987	Nữ	10,0	4,8	7,4	006			
7	118321078	Lương Thị Trúc Phương	27/02/1993	Nữ	10,0	7,0	8,5	007			
8	118321081	Nguyễn Hồng Bằng	19/10/1990	Nam	10,0	7,0	8,5	008			
9	118321083	Đồng Nguyễn Thành Trung	11/02/2003	Nam	9,8	5,5	7,7	009			
10	118321087	Mai Thị Nữ	26/03/1990	Nữ	10,0	7,5	8,8	010			
11	118321093	Trần Thị Cẩm Tiên	20/05/1994	Nữ	10,0	6,5	8,3	011			
12	118321096	Lê Hải Yến	05/02/2003	Nữ	10,0	5,3	7,7	012			
13	118321112	Lương Phương Thảo	11/06/2002	Nữ	10,0	7,3	8,7	013			
14	118321119	Nguyễn Nhật Hằng	08/11/2003	Nữ	10,0	6,5	8,3	014			
15	118321120	Danh Mỹ Hoa	16/02/2003	Nữ	10,0	6,8	8,4	015			
16	118321124	Châu Thái Bình	30/03/2003	Nam	10,0	7,0	8,5	016			
17	118321128	Trương Thị Cẩm Ngân	25/05/2003	Nữ	10,0	6,3	8,2	017			
18	118321129	Sơn Thị Thu Thắm	19/01/2002	Nữ	10,0	7,0	8,5	018			
19	118321130	Giáp Thị Vàng Anh	09/01/2003	Nữ	10,0	6,5	8,3	019			
20	118321131	Nguyễn Duy Khánh	05/04/2003	Nam	10,0	7,8	8,9	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Cẩm Tiên

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (80 -)/DA21YHDPB

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16 / 5 / 2023

Phòng thi: D71 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	118321134	Nguyễn Ngọc Trúc	Nguyên	10/02/2003	Nữ	10,0	6,0	8,0	001	Nguyễn	
2	118321135	Lê Thanh	Thiên	16/10/1990	Nam	10,0	5,8	7,9	002	ML	
3	118321136	Trần Lê Trung	Kiên	09/12/2003	Nam	10,0	5,0	7,5	003	Nguyễn	
4	118321137	Nguyễn Thị Thùy	Trang	08/10/2003	Nữ	9,6	8,3	9,0	004	Nguyễn	
5	118321138	Lê Thị Thanh	Mỹ	16/01/2002	Nữ	10,0	6,8	8,4	005	Thị	
6	118321139	Phan Thị Thúy	Liều	13/03/2003	Nữ	10,0	7,0	8,5	006	Liều	
7	118321144	Nguyễn Thị Kim	Đan	20/11/1998	Nữ	10,0	6,5	8,3	007	Đan	
8	118321145	Lê Hoàng	Phúc	21/09/1993	Nam	10,0	8,3	9,2	008	Phúc	
9	118321146	Vũ Nhật	Khánh	09/10/1990	Nam	10,0	5,3	7,7	009	Khánh	
10	118321148	Lê Thành	Trung	01/10/1991	Nam	10,0	7,0	8,5	010	Trung	
11	118321151	Bùi Trúc	Phương	30/10/2003	Nữ	10,0	6,5	8,3	011	Phương	
12	118321152	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	20/12/1997	Nữ	9,5	6,3	7,9	012	Kiều	
13	118321158	Đoàn Thị Mỹ	Tâm	18/07/2003	Nữ	10,0	5,3	7,7	013	Mỹ	
14	118321163	Bùi Thúy	Liên	13/06/2003	Nữ	9,1	5,8	7,5	014	Liên	
15	118321167	Bùi Cao Bảo	Hân	29/07/2003	Nữ	9,1	6,8	8,0	015	Hân	
16	118321173	Nguyễn Lê Đại	Ngọc	10/01/2003	Nữ	9,7	6,5	8,1	016	Đại	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ: 16

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Thúy Hằng

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Bảy

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (80 -)/DA21YHDP
CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá: T.N
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
16/05/2023
Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	118321001	Trần Thái An	05/10/2003	Nam	10,0	5.0	7,5	001	An		
2	118321002	Võ Vàng Anh	03/02/2003	Nam	8,1	4.5	6,3	002	Anh		
3	118321005	Đỗ Trương Thành Đạt	05/09/2003	Nam	10,0	6.5	8,3	003	thadoc		
4	118321007	Phạm Minh Duẩn	19/05/1992	Nam	10,0	7.3	8,7	004	Minh		
5	118321008	Hồ Nguyên Mai Hương	25/04/1996	Nữ	10,0	6.5	8,3	005	hưng		
6	118321011	Tiêu Duy Khánh	18/10/2003	Nam	8,6	5.5	7,1	006	khánh		7,18
7	118321012	Trần Khánh Lộc	25/04/2003	Nam	10,0	5.8	7,9	007	loc		
8	118321014	Hồ Thanh My	01/05/2003	Nữ	10,0	4.5	7,3	008	my		
9	118321016	Phạm Kim Ngân	02/01/2003	Nữ	9,8	4.8	7,3	009	ngân		
10	118321020	Trần Huỳnh Như	01/11/2003	Nữ	10,0	4.5	7,3	010	nhu		
11	118321024	Trần Thiên Phụng	22/06/2003	Nữ	10,0	4.8	7,4	011	phung		
12	118321027	Võ Văn Phước Tài	23/01/2003	Nam	7,4	6.3	6,9	012	tai		
13	118321030	Nguyễn Lý Nhật Tiên	17/06/2003	Nữ	9,7	5.3	7,5	013	tiên		
14	118321031	Nguyễn Quỳnh Trinh	21/10/1995	Nữ	8,0	5.3	6,7	014	trinh		
15	118321034	Tổng Viết Hoài Ân	21/11/2003	Nam	8,2	5.0	6,6	015	an		
16	118321040	Nguyễn Trường Luỹ	29/06/2003	Nam	9,2	5.3	7,3	016	luy		
17	118321041	Huỳnh Thị Kiều Tiên	08/03/2003	Nữ	8,7	4.8	6,8	017	tiên		
18	118321042	Nguyễn Thị Huyền Trân	13/01/2003	Nữ	10,0	6.3	8,2	018	trân		
19	118321043	Nguyễn Xuân Anh	17/10/2001	Nữ	7,1	6.3	6,7	019	anh		
20	118321048	Phạm Bá Quốc	24/11/2003	Nam	9,9	4.0	7,0	020	quoc		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20..

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20..

Tổng số tờ: 20..

Cán bộ coi thi 1: Luân Cao Dường Phuong Lan

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Son Son La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (80 -)/DA21YHDP A

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16/5/23

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118321060	Trần Thị Bích Thủy	30/10/2003	Nữ	9,5	3,8	6,7	001			
2	118321061	Nguyễn Thành Vũ	24/02/1994	Nam	10,0	4,8	7,4	002			
3	118321063	Lê Thanh Mai	03/12/2003	Nữ	10,0	5,8	7,9	003			
4	118321067	Nguyễn Hoàng Đạt	25/03/2003	Nam	9,5	5,8	7,7	004			
5	118321068	Lưu Nghiệp Hào	16/01/2003	Nam	9,4	3,8	6,6	005			
6	118321072	Trần Phúc Nhi	01/01/1992	Nam	10,0	4,0	7,0	006			
7	118321074	Nguyễn Lê Như Ý	02/08/2003	Nữ	10,0	6,5	8,3	007			
8	118321075	Phan Phúc Bình	24/11/2003	Nam	9,8	5,5	7,7	008			
9	118321077	Phạm Huỳnh Nương	14/04/2003	Nữ	10,0	5,0	7,5	009			
10	118321079	Nguyễn Hùng Duy	19/05/2002	Nam	8,7	4,3	6,5	010			
11	118321082	Hồ Phương Minh Phúc	02/06/2002	Nam	10,0	6,8	8,4	011			
12	118321094	Nguyễn Kiều Như Ngọc	30/03/2003	Nữ	10,0	4,5	7,3	012			
13	118321095	Phạm Văn Tỳ	24/02/2003	Nam	6,0	6,0	6,0	013			
14	118321101	Phạm Quốc Duy	24/04/1986	Nam	10,0	6,0	8,0	014			
15	118321102	Nguyễn Thị Yến Ngọc	27/07/2003	Nữ	9,7	4,8	7,3	015			
16	118321104	Trần Huỳnh Long	10/08/2003	Nam	9,0	4,3	6,7	016			
17	118321108	Trịnh Thế Tín	25/08/2003	Nam	9,2	5,3	7,3	017			
18	118321110	Đặng Huỳnh Huy Hoàng	15/07/1996	Nam	9,3	3,5	6,4	018			
19	118321111	Trần Nguyễn Tố Nhi	17/05/2003	Nữ	10,0	4,3	7,2	019			
20	118321114	Thạch Minh Khang	08/10/2003	Nam	9,5	4,8	7,2	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Hằng

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Văn Hòa

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Hằng

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (80 -)/DA21YHDP

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....16...../.....5...../.....2023.....

Phòng thi:.....D71.112.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118321116	Hồ Trung Hiếu	22/10/2003	Nam	10,0	5,8	7,9	007	<i>[Signature]</i>		
2	118321117	Viêng Thị Hồng Thơ	15/05/2003	Nữ	10,0	6,3	8,2	008	<i>[Signature]</i>		
3	118321118	Phú Ngọc Nguyên Chương	31/03/2003	Nam	8,6	5,0	6,8	009	<i>[Signature]</i>		
4	118321143	Nguyễn Quốc Duy	25/05/2003	Nam	8,5	4,8	6,7	010	<i>[Signature]</i>		
5	118321150	Nguyễn Ngọc Gấm	09/08/1993	Nữ	8,8	3,3	6,1	011	<i>[Signature]</i>		
6	118321165	Nguyễn Thanh Phú	28/06/2002	Nam	9,2	4,8	7,0	012	<i>[Signature]</i>		
7	118321171	Thái Thị Bé Thơ	04/02/2003	Nữ	8,4	3,8	6,1	013	<i>[Signature]</i>		
8	118321174	Nguyễn Thái Hồng Nhung	24/02/2003	Nữ	7,8	5,3	6,6	014	<i>[Signature]</i>		
9	118321175	Trương Thị Thuý Trang	22/03/2003	Nữ	9,1	2,3	5,7	015	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....09.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:09.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....09.....

Tổng số tờ:.....09.....

Cán bộ coi thi 1:.....*[Signature]* Nguyễn Thanh Thanh.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày ..17... tháng 5..... năm 2023.....

Cán bộ ghi điểm:.....*[Signature]* Sơn Sơn Ba.....

Cán bộ kiểm tra:.....*[Signature]* Nguyễn Thị Lành.....

16/5
D71.112

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (80 -)/DA21NNAB

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá: 7N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16 / 5 / 2023

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110421010	Nguyễn Lê Hải Đăng	10/12/2003	Nam	8,8	6,5	7,7	00A			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Đón Đón Lúa

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: lala

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (80 -)/DA21NNAD

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....16...../.....5...../.....2023.....

Phòng thi:.....D71 H02.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110421228	Huỳnh Việc	Trung	04/12/1996	Nam	10,0	4,3	7,2	005		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....01.....

Tổng số tờ:.....01.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày17..... tháng5..... năm2023.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (80 -)/DA21NNAE

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....16/.....5...../.....2023.....

Phòng thi:.....071.1.1.2.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	110421213	Nguyễn Minh Hiền	12/03/2003	Nam	10,0	4,3	7,2	006			

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....01.....

Tổng số tờ:.....01.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Điểm QT:.....50%.....; Điểm KT:.....50%.....

Trà Vinh, Ngày 17 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (80 -)/DA19YHDP

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....16...../.....5...../.....2023

Phòng thi:.....D71.11.2.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	118319036	Nguyễn Thị Trà My	02/02/2001	Nữ	9,1	6,5	7,8	001	My		
2	118319086	Trịnh Việt Vương	25/07/2001	Nam	10,0	4,0	7,0	002	VW		
3	118319109	Phạm Thị Hồng Nhu	29/05/2001	Nữ	9,5	5,8	7,7	003	NH		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....03..

Tổng số sv, hs dự đánh giá:03..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....03..

Tổng số tờ:.....03.....

Cán bộ coi thi 1:.....Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50%; Điểm KT:.....50. %

Trà Vinh, Ngày17..... tháng5..... năm2023

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....